

Số 168 - HD/HNDTW

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020

HƯỚNG DẪN

về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách
của Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện theo Quy định số 212-QĐ/TW
ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Thực hiện Quy định số 212 - QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

Nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ về tổ chức bộ máy trong hệ thống Hội Nông dân trong toàn quốc và để thuận lợi trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội và phong trào nông dân, Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quy định 212 - QĐ/TW như sau:

I. ĐỐI VỚI CƠ QUAN HỘI NÔNG DÂN CẤP TỈNH

1. Tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy cơ quan Hội Nông dân cấp tỉnh gồm 4 đầu mối, trong đó có 3 ban chuyên môn và 1 đơn vị sự nghiệp, cụ thể:

- Văn phòng.
- Ban Xây dựng Hội
- Ban Kinh tế - Xã hội.
- Trung tâm Hỗ trợ nông dân.

Như vậy, đối với Hội Nông dân các tỉnh, thành phố đang có nhiều ban, đơn vị (do được thành lập từ trước đây), cần có đề án để sắp xếp lại theo quy định trên. Tuy nhiên, việc sắp xếp không phải là việc cộng dồn đơn thuần chức năng, nhiệm vụ và số lượng cán bộ của các ban, đơn vị, mà cần điều chỉnh phù hợp để đảm bảo tương quan giữa 4 đầu mối trên về chức năng, nhiệm vụ và số lượng cán bộ; có tối thiểu 5 người mới được thành lập một đầu mối trực thuộc (gọi chung là ban). Riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có thể nhiều hơn nhưng không quá 2 ban; tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An không quá 1 ban so với quy định trên. Tùy theo điều kiện, tình hình cụ thể, Ban Thường vụ Hội Nông dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An xây dựng đề án trình cấp ủy cùng cấp thành lập thêm đầu mối trực

thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh nhưng phải đảm bảo theo quy định chung của Trung ương, của tỉnh.

2. Về số lượng biên chế

Thẩm quyền phân bổ biên chế cơ quan Hội Nông dân tỉnh, thành phố do Ban Thường vụ các tỉnh, thành ủy xem xét, quyết định. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan tham mưu, giúp việc và đề xuất số lượng biên chế cho cơ quan chuyên trách và tình hình biên chế hiện nay, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố cần phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức các tỉnh, thành ủy để tham mưu giao biên chế, đảm bảo số lượng cán bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách đáp ứng yêu cầu công tác Hội và phong trào nông dân trong thời gian tới. Trong đó chú ý đến những điều kiện đặc thù của địa phương, đơn vị như: số lượng hội viên đông, đầu mỗi cơ sở nhiều, địa bàn rộng, điều kiện hoạt động khó khăn, số lượng biên chế đã được giao hoặc số biên chế hiện có...

3. Về lãnh đạo cơ quan Hội Nông dân cấp tỉnh và lãnh đạo ban, đơn vị trực thuộc

3.1. Lãnh đạo cơ quan Hội Nông dân cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch.
- Các Phó Chủ tịch: Số lượng Phó Chủ tịch do Ban Thường vụ các tỉnh, thành ủy xem xét, quyết định trên cơ sở quy định chung tại mục 3, Điều 2, Quy định số 212-QĐ/TW. Tuy nhiên, mỗi Hội Nông dân cấp tỉnh tối thiểu nên từ 2 Phó Chủ tịch trở lên. Riêng Hội Nông dân tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An tối thiểu nên từ 3 Phó Chủ tịch trở lên; Hội Nông dân Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có từ 3 - 4 Phó Chủ tịch.

3.2. Lãnh đạo ban, đơn vị trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh (gọi chung là ban), gồm:

Trưởng ban và Phó Trưởng ban; ban có dưới 10 người được bố trí trưởng ban và 1 phó trưởng ban; có 10 người trở lên được bố trí không quá 2 phó trưởng ban.

4. Chức năng, nhiệm vụ của các ban, đơn vị trực thuộc

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách Hội Nông dân được xác định tại Quy định 212-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII), Hướng dẫn này định hướng chức năng, nhiệm vụ của các ban, đơn vị trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh trên cơ sở xác định nhiệm vụ của từng vị trí việc làm. Tùy từng điều kiện cụ thể của các địa phương để sắp xếp nhiệm vụ cho

phù hợp và đảm bảo về tính tương đồng về chức năng, nhiệm vụ của các đầu
mỗi khi thực hiện sáp nhập.

4.1. Văn phòng

4.1.1. Chức năng

- Tham mưu giúp Ban Chấp hành, trực tiếp là Ban Thường vụ, Thủ
trưởng cơ quan Hội Nông dân tỉnh, thành phố tổ chức điều hành công việc lãnh
đạo, chỉ đạo. Thông tin, tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp
hành, Ban Thường vụ, Thường trực và Thủ trưởng cơ quan Hội Nông dân tỉnh,
thành phố. Tham mưu và tổ chức thực hiện về công tác thi đua - khen thưởng.

- Phục vụ các hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường
trực và Thủ trưởng cơ quan Hội Nông dân tỉnh, thành phố.

- Quản lý tài sản, tài chính, đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động của lãnh
đạo cơ quan và các ban, đơn vị trực thuộc.

4.1.2. Nhiệm vụ:

- Tham mưu công tác thông tin, tổng hợp phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ
đạo; công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua, khen thưởng. Soạn thảo, thẩm
định nội dung, thể thức các loại văn bản trước khi trình ký và phát hành; tổ chức
in, sao và phát hành văn bản.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ, Ban Chấp hành tổ chức các hoạt động
đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác và
các công việc cụ thể theo sự chỉ đạo, điều hành của Thường trực Hội Nông dân
tỉnh, thành phố.

- Hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện quy chế làm việc của cơ quan.

- Quản lý toàn bộ cơ sở vật chất của cơ quan; bảo đảm kinh phí và các
điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Ban
Thường vụ, Thường trực, Thủ trưởng cơ quan và hoạt động thường xuyên của
các ban, đơn vị thuộc Hội Nông dân tỉnh, thành phố theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Thường vụ và
Thường trực Hội Nông dân tỉnh, thành phố.

4.1.3. Tổ chức bộ máy, biên chế: Gồm Chánh Văn phòng, Phó Chánh
Văn phòng và một số cán bộ.

4.2. Ban Xây dựng Hội

Sáp nhập Ban Tổ chức - Kiểm tra (hoặc Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra) và
Ban Tuyên giáo (hoặc Ban Tuyên huấn) để thành lập Ban Xây dựng Hội và

chuyên toàn bộ chức năng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng vào chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ như sau:

4.2.1. Chức năng

- Tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thủ trưởng cơ quan Hội Nông dân tỉnh, thành phố về công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, hội viên nông dân; công tác tổ chức bộ máy và cán bộ cơ quan; xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức Hội các cấp; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong hệ thống Hội.

- Tham mưu, giúp việc Ban Thường vụ về công tác trợ giúp pháp lý, công tác giám sát và phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên, nông dân.

- Tham mưu các nội dung, giải pháp về công tác quốc phòng - an ninh; công tác dân tộc, tôn giáo.

4.2.2. Nhiệm vụ

- Tham mưu, giúp việc Đảng đoàn, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thủ trưởng cơ quan về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ như: Tuyển chọn, bố trí, sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đánh giá, đề bạt, quản lý cán bộ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và thực hiện quản lý hồ sơ cán bộ; thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan.

- Tham mưu xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức Hội các cấp; xây dựng chi Hội nông dân nghề nghiệp, tổ Hội nông dân nghề nghiệp; phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân các cấp.

- Tham mưu công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Hội, các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Hội.

- Tham mưu giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, hội viên, nông dân.

- Tham mưu nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Hội ...; giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, chính trị, tư tưởng, văn hóa và nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, hội viên nông dân để tham mưu giải pháp kịp thời.

- Tham mưu các nội dung, giải pháp liên quan đến công tác quốc phòng - an ninh ở nông thôn, biên giới, biển đảo. Tham gia xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên địa bàn nông thôn.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện các nội dung và giải pháp về công tác dân tộc, tôn giáo.

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tham gia ý kiến phản biện các văn bản dự thảo khi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu, đề nghị.

- Phối hợp với các ban, đơn vị kiểm tra việc triển khai các chương trình, dự án của Hội theo quy định.

- Hướng dẫn và phối hợp thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp.

- Thực hiện công tác văn phòng của Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh, thành phố.

- Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác quân sự cơ quan.

- Quản lý và phát triển Website của Hội Nông dân tỉnh, thành phố; phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông để giới thiệu các hoạt động của Hội, tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình, các nhân tố mới, cách làm hay, sáng tạo và xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và cộng tác viên...

- Hướng dẫn thực hiện công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng trong cán bộ, hội viên nông dân.

- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Thường vụ và Thường trực Hội Nông dân tỉnh, thành phố.

4.2.3. Tổ chức bộ máy, biên chế: Gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban và một số chuyên viên.

4.3. Ban Kinh tế - Xã hội

4.3.1. Chức năng:

- Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phát động và chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch tham gia phát triển kinh tế, xã hội gắn với công tác xây dựng tổ chức Hội.

- Đề xuất, kiến nghị xây dựng cơ chế, chính sách về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, dân số, gia đình; chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tham mưu phối hợp và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.3.2. Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Ban Thường vụ tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, với các sở, ban, ngành của tỉnh để phát triển kinh tế nông nghiệp và các vấn đề xã hội ở nông thôn.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ và phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể để xây dựng các chương trình, kế hoạch, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án về xã hội, dân số, gia đình như: Xóa đói, giảm nghèo, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, bảo trợ xã hội, an sinh xã hội, bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, y tế, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống lao, giáo dục nâng cao nhận thức và bài trừ các hủ tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội ở nông thôn...

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững; thực hiện chương trình, mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tham gia đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Hướng dẫn xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Xây dựng các mô hình công tác xã hội, dân số, gia đình, tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn và dịch vụ hỗ trợ nông dân thuộc lĩnh vực xã hội, dân số, gia đình.

- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh, thành phố.

4.3.3. Tổ chức bộ máy, biên chế: Gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban và một số chuyên viên.

4.4. Trung tâm Hỗ trợ nông dân

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh được thành lập theo tinh thần Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 673/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm sẽ trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ và dạy nghề, tạo việc làm cho nông dân như: Hỗ trợ nông dân về vốn; vật tư nông nghiệp, cây giống, con giống; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý; tư vấn hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, dạy nghề, giải quyết việc làm; liên kết với các doanh nghiệp xây dựng mô hình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm thông qua sàn kết nối cung cầu; phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân; kết nối tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh.

- Tổ chức bộ máy và biên chế: Nên bố trí có Giám đốc và Phó Giám đốc, cán bộ, viên chức theo Đề án tổ chức, bộ máy và biên chế của Trung tâm được

cấp có thẩm quyền phê duyệt; còn lại hợp đồng tùy theo nhu cầu sử dụng của Trung tâm.

- Định hướng Trung tâm sẽ chuyển từ đơn vị sự nghiệp công lập thành đơn vị sự nghiệp bảo đảm tự chủ về tài chính theo lộ trình phù hợp để trực tiếp tổ chức các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ và dạy nghề cho nông dân theo đúng tinh thần Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 673/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo theo tinh thần Nghị quyết số 18 - NQ/TW và Nghị quyết số 19 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Các đơn vị đã thành lập sẽ tự chủ hoặc sắp xếp theo yêu cầu của tỉnh, thành ủy.

4.5. Về Quỹ Hỗ trợ nông dân

4.5.1. Quỹ Hỗ trợ nông dân (Quỹ HTND) thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam là Quỹ đặc thù được Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập và cấp ngân sách bổ sung nguồn vốn hàng năm theo Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 673-QĐ/TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ HTND là công cụ, phương tiện, điều kiện để tập hợp, vận động đông đảo hội viên, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng Nông thôn mới; phát huy vai trò trung tâm và nòng cốt của Hội Nông dân trong các phong trào nông dân và công cuộc xây dựng Nông thôn mới; xây dựng chi Hội, tổ Hội nông dân nghề nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã trong nông thôn...

Quỹ HTND có tư cách pháp nhân: Có Điều lệ, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động tuân thủ theo các quy định tại Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính và các quy định của Đảng, Nhà nước.

4.5.2. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành

- Ban Thường vụ Hội Nông dân: Trực tiếp chỉ đạo hoạt động Quỹ HTND cùng cấp và cấp dưới.

- Ban Điều hành Quỹ HTND: Là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân thực hiện quản lý, điều hành hoạt động Quỹ. Ban Điều hành Quỹ HTND gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kế toán, thủ quỹ. Cán bộ Quỹ HTND gồm: Cán bộ kiêm nhiệm và cán bộ chuyên trách do Ban Thường vụ Hội Nông dân phân công.

- Hoạt động nghiệp vụ Quỹ HTND gắn với hoạt động Ban Kinh tế - Xã hội. Do vậy, trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy, cán bộ cần quan tâm bố trí

cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đảm bảo cho hoạt động của Quỹ HTND.

- Ban Kiểm soát Quỹ HTND: Là cơ quan giúp việc Ban Thường vụ Hội trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ và quy định của pháp luật. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ HTND hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Ban Thường vụ Hội nông dân quyết định bổ nhiệm.

- Ban Vận động Quỹ HTND: Do cấp ủy cùng cấp ra quyết định thành lập. Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, Ban Thường vụ Hội Nông dân tham mưu, đề xuất cho cấp ủy về nhân sự, số lượng thành viên cho phù hợp.

II. CƠ QUAN HỘI NÔNG DÂN CẤP HUYỆN

1. Tổ chức bộ máy, biên chế

Cơ quan Hội Nông dân cấp huyện không có đầu mối trực thuộc; biên chế do Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định. Tuy nhiên, Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện cần phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức các huyện, thành, thị ủy để tham mưu đề xuất giao số lượng biên chế cho cơ quan chuyên trách Hội Nông dân huyện đảm bảo số lượng cán bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách đáp ứng yêu cầu công tác Hội và phong trào nông dân trong thời gian tới. Trong đó chú ý đến những điều kiện đặc thù của địa phương, đơn vị như: số lượng hội viên đông, đầu mối cơ sở nhiều, địa bàn rộng, điều kiện hoạt động khó khăn, số lượng biên chế đã được giao hoặc số biên chế hiện có... Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cơ quan Hội Nông dân cấp huyện được sử dụng tình nguyện viên, cộng tác viên, tư vấn tự nguyện.

2. Về lãnh đạo cơ quan Hội Nông dân cấp huyện gồm:

- Chủ tịch.

- Các Phó Chủ tịch: Số lượng Phó Chủ tịch do Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định trên cơ sở quy định chung tại mục 3, Điều 2, Quy định số 212-QĐ/TW. Riêng Hội Nông dân tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào tình hình cụ thể về địa bàn hoạt động, số lượng hội viên... để đề xuất số lượng Phó Chủ tịch Hội Nông dân cấp huyện cho phù hợp.

3. Về chức năng, nhiệm vụ

3.1. Chức năng

Tham mưu cho cấp ủy cùng cấp về công tác Hội và phong trào nông dân; nghiên cứu, đề xuất chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương và của Hội cấp trên trực tiếp.

3.2. Nhiệm vụ

- Triển khai các nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, hội viên nông dân; tham gia giám sát và phản biện xã hội.

- Xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức Hội các cấp; xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; phát triển, quản lý và nâng cao chất lượng hội viên; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân các cấp.

- Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ, đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

- Phát động và tổ chức các phong trào nông dân. Vận động, hướng dẫn xây dựng các mô hình hội viên nông dân sản xuất kinh doanh, tham gia phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm gắn với biểu dương khen thưởng và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, các nguồn Quỹ, vốn vay, chương trình hoạt động, kế hoạch công tác Hội,...

- Thực hiện công tác hành chính, văn thư-lưu trữ, thông tin báo cáo; công tác thi đua khen thưởng; chế độ chính sách đối với cán bộ cơ quan chuyên trách.

- Vận động xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân, tham mưu quản lý, cho vay nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân và các nguồn vốn khác; phối hợp giải ngân các nguồn vốn, các dự án vay vốn,...

- Phối kết hợp với các ngành, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương và của Hội cấp trên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

- Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định 212-QĐ/TW trong hệ thống Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tổ chức tập huấn, quán triệt, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Trường ban Tổ chức Hội Nông dân các tỉnh, thành phố (lồng ghép với lớp tập huấn chuyên đề công tác tổ chức xây dựng Hội năm 2020).

- Giao Ban Tổ chức Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị đôn đốc và theo dõi việc thực hiện Hướng dẫn này; định

kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội; tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Hội Nông dân các tỉnh, thành phố

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, thành phố căn cứ Hướng dẫn này để chủ động phối hợp với Ban Tổ chức tỉnh, thành ủy và các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng Đề án quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và số lượng biên chế theo từng vị trí việc làm của cơ quan chuyên trách Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện trình Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện Hướng dẫn này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo với Ban Thường vụ Trung ương Hội (*qua Ban Tổ chức Trung ương Hội Nông dân Việt Nam*) để xem xét, giải quyết.

3. Hướng dẫn này thay thế cho Hướng dẫn 129-HD/HNDTW ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về thực hiện Quy định số 282-QĐ/TW ngày 01/4/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Các ban Đảng TW và Văn Phòng TW (để giúp đỡ);
- Các tỉnh ủy, thành ủy (để phối hợp);
- Các ban, đơn vị thuộc TW Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Các đ/c Ủy viên BCH TW Hội;
- Lưu VP.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Thảo Xuân Sùng